

**DANH SÁCH HỌC VIÊN KHÓA 2018 – 2020  
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ NĂM 2022**

**1. Điện quang và y học hạt nhân(Chẩn đoán hình ảnh): 01 học viên.**

| TT | Họ tên             | Phái | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Điểm<br>TBC các<br>học phần | Điểm<br>luận văn |
|----|--------------------|------|------------|------------|-----------------------------|------------------|
| 1  | Đào Thị Thanh Loan | Nữ   | 19/02/1992 | Quảng Ngãi | 7,72                        | 8,5              |

**2. Khoa học y sinh(Hóa sinh) : 01 học viên.**

| TT | Họ tên       | Phái | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm<br>TBC các<br>học phần | Điểm<br>luận văn |
|----|--------------|------|-----------|----------|-----------------------------|------------------|
| 2  | Lê Hồng Thủy | Nữ   | 03/9/1989 | Đắk Lắk  | 8,09                        | 7,6              |

**3. Khoa học y sinh(Mô phôi) : 02 học viên.**

| TT | Họ tên            | Phái | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm<br>TBC các<br>học phần | Điểm<br>luận văn |
|----|-------------------|------|-----------|----------|-----------------------------|------------------|
| 3  | Nguyễn Xuân Hoàng | Nam  | 20/3/1992 | Hà Tĩnh  | 7,87                        | 8,8              |
| 4  | Lê Chí Linh       | Nam  | 15/4/1992 | Cà mau   | 8,36                        | 7,7              |

**4. Ngoại khoa: 04 học viên.**

| TT | Họ tên            | Phái | Ngày sinh  | Nơi sinh       | Điểm<br>TBC các<br>học phần | Điểm<br>luận văn |
|----|-------------------|------|------------|----------------|-----------------------------|------------------|
| 5  | Đào Minh Nhật     | Nam  | 10/01/1993 | Đồng Nai       | 7,21                        | 7,5              |
| 6  | Tô Vũ thanh Phong | Nam  | 12/11/1986 | TP.Hồ Chí Minh | 7,06                        | 7,5              |
| 7  | Nguyễn Hồng Phúc  | Nam  | 17/8/1989  | Bến Tre        | 7,31                        | 7,8              |
| 8  | Lã Văn Tuấn       | Nam  | 15/03/1988 | Hà Nội         | 6,80                        | 7,5              |

**5. Ngoại khoa(Chấn thương chỉnh hình) : 01 học viên.**

| TT | Họ tên        | Phái | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm<br>TBC các<br>học phần | Điểm<br>luận văn |
|----|---------------|------|-----------|----------|-----------------------------|------------------|
| 9  | Phạm Thanh Tú | Nam  | 01/8/1991 | Bến Tre  | 7,05                        | 8,6              |

**6. Nhi khoa: 01 học viên.**

| TT | Họ tên         | Phái | Ngày sinh  | Nơi sinh | Điểm TBC các học phần | Điểm luận văn |
|----|----------------|------|------------|----------|-----------------------|---------------|
| 10 | Phan Văn Thuận | Nam  | 16/11/1990 | Gia Lai  | 6,88                  | 7,7           |

#### 7. Nội khoa: 01 học viên.

| TT | Họ tên       | Phái | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm TBC các học phần | Điểm luận văn |
|----|--------------|------|-----------|----------|-----------------------|---------------|
| 11 | Ngô Văn Hiến | Nam  | 25/8/1993 | Đà Nẵng  | 6,73                  | 7,3           |

#### 8. Nội khoa(Da liễu): 02 học viên.

| TT | Họ tên                  | Phái | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Điểm TBC các học phần | Điểm luận văn |
|----|-------------------------|------|------------|-----------|-----------------------|---------------|
| 12 | Vương Tiến Dũng         | Nam  | 04/11/1993 | Bạc Liêu  | 6,63                  | 7,8           |
| 13 | Nguyễn Thị Thanh Phương | Nữ   | 31/01/1990 | Quảng Trị | 6,79                  | 8,5           |

#### 9. Nội khoa(Huyết học và truyền máu): 01 học viên.

| TT | Họ tên            | Phái | Ngày sinh  | Nơi sinh | Điểm TBC các học phần | Điểm luận văn |
|----|-------------------|------|------------|----------|-----------------------|---------------|
| 14 | Nguyễn Hoàng Nhân | Nam  | 20/02/1979 | Cà mau   | 6,86                  | 7,8           |

#### 10.Nội khoa(Lão khoa): 01 học viên.

| TT | Họ tên         | Phái | Ngày sinh | Nơi sinh        | Điểm TBC các học phần | Điểm luận văn |
|----|----------------|------|-----------|-----------------|-----------------------|---------------|
| 15 | Trần Quỳnh Thư | Nữ   | 18/9/1991 | TP. Hồ Chí Minh | 6,02                  | 5,5           |

#### 11.Ung thư: 01 học viên.

| TT | Họ tên        | Phái | Ngày sinh  | Nơi sinh | Điểm TBC các học phần | Điểm luận văn |
|----|---------------|------|------------|----------|-----------------------|---------------|
| 16 | Lưu Thảo Ngọc | Nữ   | 27/10/1992 | Hà Nội   | 7,57                  | 6,1           |

#### 12.Răng Hàm Mặt: 02 học viên.

| TT | Họ tên         | Phái | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Điểm TBC các học phần | Điểm luận văn |
|----|----------------|------|------------|-----------|-----------------------|---------------|
| 17 | Nguyễn Tấn Đạt | Nam  | 13/4/1989  | Bình Thận | 6,85                  | 8,7           |
| 18 | Trần Lê Khoa   | Nam  | 10/10/1993 | Vĩnh Long | 7.78                  | 8,4           |

**13.Y tế công cộng: 03 học viên.**

| TT | Họ tên               | Phái | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Điểm<br>TBC các<br>học phần | Điểm<br>luận văn |
|----|----------------------|------|------------|-----------------|-----------------------------|------------------|
| 19 | Nguyễn Thị Duyên Anh | Nữ   | 16/02/1985 | TP. Hồ Chí Minh | 7,68                        | 8,2              |
| 20 | Nguyễn Thị Ngọc Diễm | Nữ   | 06/9/1992  | Quảng Nam       | 7,21                        | 8,5              |
| 21 | Cao Thị Lựu          | Nữ   | 08/7/1991  | Nam Định        | 7,94                        | 8,2              |

**14.Dược lý và dược lâm sàng: 04 học viên.**

| TT | Họ tên                | Phái | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Điểm<br>TBC các<br>học phần | Điểm<br>luận văn |
|----|-----------------------|------|------------|------------|-----------------------------|------------------|
| 22 | Lê Thị Hà             | Nữ   | 02/06/1994 | Đắk Lắk    | 7,94                        | 8,9              |
| 23 | Trần Duy Khoa         | Nam  | 05/3/1989  | Bình Định  | 6,91                        | 7,3              |
| 24 | Đặng Trần Trúc Phương | Nữ   | 04/3/1993  | Kiên Giang | 7,16                        | 8,4              |
| 25 | Trương Thị Ngọc Thảo  | Nữ   | 02/3/1975  | Lâm Đồng   | 7,32                        | 7,4              |

*Danh sách ấn định có 25(hai mươi lăm học viên) thuộc 14 chuyên ngành.*

TP. Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2022

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Hoàng Bắc**